

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

Số: 1450/SBH-TCKT

V/v công bố Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2020 và giải trình chênh lệch lợi nhuận.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 13 tháng 08 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
2. Mã chứng khoán: SBH
3. Địa chỉ trụ sở chính: 02C Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
4. Điện thoại: 0257.3811.456 Fax: 0257.3811.455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Trần Lý – Tổng giám đốc Công ty
6. Địa chỉ: 02C Trần Hưng Đạo, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.
7. Điện thoại: 0257.2470.999
8. Nội dung công bố thông tin: Công bố Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2020 và giải trình chênh lệch lợi nhuận.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/8/2020 tại đường dẫn <http://www.sbh.evn.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268> hoặc <http://www.sbh.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268>)

Chúng tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên (H-copy);
- HĐQT (kính b/c, e-copy);
- BKS (để biết, e-copy);
- Website công ty (e-copy);
- Lưu: VP, TCKT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Lý

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

Số: 1449/SBH-TCKT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 13 tháng 08 năm 2020

V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận  
Báo cáo tài chính bán niên soát xét  
năm 2020

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (SBH) kính giải trình chênh lệch lợi nhuận Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2020, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	06 tháng năm 2019	06 tháng năm 2020	Tăng (Giảm)	Tỷ lệ %
<b>I. Tổng Doanh thu</b>	Tỷ đồng	248,66	164,43	(84,23)	(33,88)
<b>II. Tổng Chi phí</b>	Tỷ đồng	175,83	139,81	(36,02)	(20,49)
<b>Trong đó:</b>					
<b>1. Hoạt động sản xuất điện</b>					
Sản lượng điện	Tr.Kwh	196,08	95,58	(100,51)	(51,26)
Doanh thu SX điện	Tỷ đồng	242,53	144,41	(98,12)	(40,46)
Chi phí SX điện	Tỷ đồng	164,93	135,75	(29,18)	(17,69)
Lợi nhuận SX điện	Tỷ đồng	77,60	8,66	(68,94)	(88,84)
<b>2. Hoạt động tài chính</b>					
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	5,93	19,99	14,06	237,32
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	10,90	4,06	(6,84)	(62,76)
Lợi nhuận	Tỷ đồng	(4,98)	15,93	20,91	
<b>3. Hoạt động khác</b>					
Doanh thu khác	Tỷ đồng	0,21	0,03	(0,18)	(84,76)
Chi phí khác	Tỷ đồng	0,00		0,00	
Lợi nhuận	Tỷ đồng	0,21	0,03	(0,18)	(84,76)
<b>4. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	Tỷ đồng	72,83	24,62	(48,22)	(66,20)
<b>5. Thuế TNDN</b>	Tỷ đồng	(1,81)	3,64	5,44	
<b>6. Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	Tỷ đồng	74,64	20,98	(53,66)	(71,89)





Lợi nhuận sau thuế 06 tháng năm 2020 giảm 71,89% so với cùng kỳ năm 2019, nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Tổng doanh thu 06 tháng đầu năm 2020 giảm 33,88% do sản lượng điện thương phẩm giảm 51,26% so với cùng kỳ năm 2019.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ kính báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông biết.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (hard-copy);
- HĐQT (kính b/cáo, e-copy);
- BKS (đề biết, e-copy);
- Website Công ty (e-copy);
- Lưu: VT, TCKT (e-copy).

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Lý





KPMG'S COPY

**Công ty Cổ phần Thủy điện  
Sông Ba Hạ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho  
kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2020



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	3603000101	ngày 28 tháng 12 năm 2007
<b>Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	4400415302	ngày 14 tháng 11 năm 2011
	4400415302	ngày 17 tháng 10 năm 2016
	4400415302	ngày 8 tháng 3 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Văn Tạng	Chủ tịch
	Ông Trần Lý	Thành viên
	Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
	Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên (từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên (từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Nguyễn Đức Phú	Thành viên (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Ngô Đức Thăng	Trưởng Ban Kiểm soát
	Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Thành viên
	Ông Tài Hoàng Nhật Quang	Thành viên (từ ngày 29 tháng 5 năm 2020)
	Ông Đinh Văn Tiến	Thành viên (đến ngày 29 tháng 5 năm 2020)
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Lý	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Đức Phú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Châu Đình Quốc	Phó Tổng Giám đốc
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Trần Lý	Tổng Giám đốc
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Số 02C, Trần Hưng Đạo Phường 1, Thành phố Tuy Hòa Tỉnh Phú Yên Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phủ Yên, ngày 11 tháng 8 năm 2020





KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

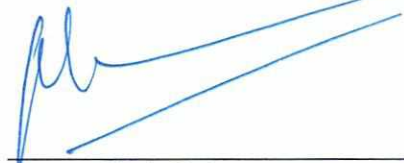
Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-01-00334-20-01



Trần Thị Lệ Hằng  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: N.3782-2017-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số: 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2020



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>744.566.605.309</b>	<b>731.129.897.487</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>22.693.160.109</b>	<b>7.839.964.474</b>
Tiền	111		12.693.160.109	7.839.964.474
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>591.000.000.000</b>	<b>602.455.515.068</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	591.000.000.000	602.455.515.068
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>99.761.335.201</b>	<b>88.164.435.164</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	65.984.139.462	63.557.169.384
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.885.532.754	1.310.694.569
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	29.891.662.985	23.296.571.211
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>6.812.319.999</b>	<b>8.534.450.963</b>
Hàng tồn kho	141		6.812.319.999	8.534.450.963
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.299.790.000</b>	<b>24.135.531.818</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24.299.790.000	24.135.531.818
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>1.419.662.234.529</b>	<b>1.512.296.742.936</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.401.096.605.130</b>	<b>1.493.008.935.937</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.396.800.256.030	1.488.634.240.007
Nguyên giá	222		4.193.828.373.595	4.189.464.418.368
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.797.028.117.565)	(2.700.830.178.361)
Tài sản cố định vô hình	227	12	4.296.349.100	4.374.695.930
Nguyên giá	228		5.180.816.448	5.180.816.448
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(884.467.348)	(806.120.518)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.211.051.693</b>	<b>1.624.340.943</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242		1.211.051.693	1.624.340.943
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.354.577.706</b>	<b>17.663.466.056</b>
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		17.354.577.706	17.663.466.056
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.164.228.839.838</b>	<b>2.243.426.640.423</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>173.024.747.875</b>	<b>202.079.689.151</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>124.857.880.922</b>	<b>153.912.822.198</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	16.321.019.984	19.239.823.464
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	8.919.257.859	35.065.381.670
Phải trả người lao động	314		1.357.371.496	7.316.818.300
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		127.773.998	1.620.953.841
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	28.463.963.129	27.236.354.373
Vay ngắn hạn	320	16	60.000.000.000	60.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	9.668.494.456	3.433.490.550
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>48.166.866.953</b>	<b>48.166.866.953</b>
Vay dài hạn	338	16	48.166.866.953	48.166.866.953
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.991.204.091.963</b>	<b>2.041.346.951.272</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>1.991.204.091.963</b>	<b>2.041.346.951.272</b>
Vốn cổ phần	411	19	1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		48.000.000.000	48.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	129.286.491.145	103.578.565.019
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		571.667.600.818	647.518.386.253
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		550.685.075.777	499.712.799.168
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.982.525.041	147.805.587.085
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.164.228.839.838</b>	<b>2.243.426.640.423</b>

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Đặng Thị Lan  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đoàn Thị Mỹ Đông  
Kế toán trưởng



Trần Lý  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>144.407.558.313</b>	<b>242.529.376.760</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>24</b>	<b>123.087.549.568</b>	<b>150.220.389.525</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>21.320.008.745</b>	<b>92.308.987.235</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	19.988.914.739	5.925.776.739
Chi phí tài chính	22		4.060.313.768	10.902.269.380
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.060.313.768	10.902.269.380
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	12.662.160.513	14.707.234.744
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}</b>	<b>30</b>		<b>24.586.449.203</b>	<b>72.625.259.850</b>
Thu nhập khác	31		31.700.554	207.950.847
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31)</b>	<b>40</b>		<b>31.700.554</b>	<b>207.950.847</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>24.618.149.757</b>	<b>72.833.210.697</b>
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>28</b>	<b>3.635.624.716</b>	<b>(1.807.926.611)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>20.982.525.041</b>	<b>74.641.137.308</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	169	601

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Đặng Thị Lan  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Đoàn Thị Mỹ Đông  
Kế toán trưởng

Trần Lý  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	24.618.149.757	72.833.210.697
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	96.265.085.590	96.396.356.430
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.988.914.739)	(6.117.680.869)
Chi phí lãi vay	06	4.060.313.768	10.902.269.380
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>104.954.634.376</b>	<b>174.014.155.638</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(5.663.708.177)	44.132.836.808
Biến động hàng tồn kho	10	2.031.019.314	37.925.793
Biến động các khoản phải trả	11	(29.568.982.335)	(13.868.247.137)
Biến động chi phí trả trước	12	490.621.818	-
		<b>72.243.584.996</b>	<b>204.316.671.102</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.060.313.768)	(7.851.381.659)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.932.816.035)	(9.061.650.952)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.766.680.000)	(5.935.286.663)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>54.483.775.193</b>	<b>181.468.351.828</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.605.545.977)	(2.547.953.636)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	205.318.182
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	23	360.455.515.068	195.000.000.000
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23	(349.000.000.000)	(312.455.515.068)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	14.055.722.879	12.316.628.440
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>20.905.691.970</b>	<b>(107.481.522.082)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 7 tháng 6 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo thông báo ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, với mã chứng khoán là SBH.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Sản xuất và kinh doanh điện năng. Đầu tư và quản lý các dự án nguồn điện. Dịch vụ quản lý, vận hành, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp. Dịch vụ tư vấn, quản lý dự án nhà máy điện và trạm biến áp.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: dịch vụ thí nghiệm điện, cơ, lý, hóa trong các công trình điện, nhà máy điện và trạm biến áp.
- Kinh doanh du lịch và dịch vụ kèm theo.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 119 nhân viên (1/1/2020: 121 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**(a) Ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá bán chuyển khoản và mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong kỳ hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 - 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 - 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Do hoạt động kinh doanh thủy điện phụ thuộc vào lượng nước, sản lượng bán điện thông thường sẽ thấp từ tháng 1 đến tháng 6 và cao hơn từ tháng 7 đến tháng 12 hàng năm. Mặt khác, doanh thu bán điện phụ thuộc vào việc phát triển và hoàn thành các dự án thủy điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các điều kiện thị trường tại thời điểm các dự án đi vào hoạt động thương mại.

**5. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong kỳ, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	921.769.886	253.589.011
Tiền gửi ngân hàng	11.771.390.223	7.586.375.463
Các khoản tương đương tiền (i)	10.000.000.000	-
	22.693.160.109	7.839.964.474

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm là 4,1% (1/1/2020: không có).

**7. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá một năm tại ngày báo cáo	591.000.000.000	602.455.515.068

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này này hưởng lãi suất năm từ 5,0% đến 7,3% (1/1/2020: từ 5,6% đến 7,4%).

**8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, một bên liên quan	65.984.139.462	63.557.169.384

Khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu lãi tiền gửi	20.656.453.493	14.723.261.633
Phải thu từ các nhà thầu sau khi quyết toán công trình (i)	3.276.281.278	2.780.568.069
Tiền ký quỹ để đảm bảo thực hiện dự án Trụ sở Công ty	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu khác	958.928.214	792.741.509
	29.891.662.985	23.296.571.211

- (i) Số dư này thể hiện khoản phải thu từ các nhà thầu sau khi quyết toán khối lượng công trình, căn cứ theo Báo cáo quyết toán vốn đầu tư Dự án Thủy điện Sông Ba Hạ lập ngày 29 tháng 4 năm 2016, Báo cáo kiểm toán vốn đầu tư Dự án Thủy điện Sông Ba Hạ do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C lập tại báo cáo số 135sđbs/15-TĐ-KTTV ngày 6 tháng 5 năm 2016, Quyết định số 929/QĐ-SBH-HĐQT và Quyết định số 1378/QĐ-SBH-HĐQT về việc quyết toán vốn đầu tư hoàn thành Dự án Thủy điện Sông Ba Hạ được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt lần lượt vào ngày 28 tháng 9 năm 2016 và ngày 25 tháng 10 năm 2017.

**10. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá gốc</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	6.418.766.685	8.060.501.194
Công cụ, dụng cụ	393.553.314	473.949.769
	6.812.319.999	8.534.450.963

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 1 tháng 1 năm 2020, Công ty không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	2.744.720.066.878	1.431.453.201.600	7.043.057.165	6.248.092.725	4.189.464.418.368
Tăng trong kỳ	-	63.345.455	-	4.300.609.772	4.363.955.227
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.744.720.066.878</b>	<b>1.431.516.547.055</b>	<b>7.043.057.165</b>	<b>10.548.702.497</b>	<b>4.193.828.373.595</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	1.516.962.115.687	1.178.206.232.735	2.544.074.055	3.117.755.884	2.700.830.178.361
Khấu hao trong kỳ	67.113.053.292	28.162.587.670	249.557.400	672.740.842	96.197.939.204
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.584.075.168.979</b>	<b>1.206.368.820.405</b>	<b>2.793.631.455</b>	<b>3.790.496.726</b>	<b>2.797.028.117.565</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	1.227.757.951.191	253.246.968.865	4.498.983.110	3.130.336.841	1.488.634.240.007
Số dư cuối kỳ	1.160.644.897.899	225.147.726.650	4.249.425.710	6.758.205.771	1.396.800.256.030

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 35 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 34 tỷ VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 16, các tài sản hình thành từ vốn vay của khoản vay từ Tổng Công ty Phát điện 2 được sử dụng để thế chấp cho chính các khoản vay này của Công ty.



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	4.500.000.000	680.816.448	5.180.816.448
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	292.500.000	513.620.518	806.120.518
Khấu hao trong kỳ	45.000.000	33.346.830	78.346.830
Số dư cuối kỳ	337.500.000	546.967.348	884.467.348
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	4.207.500.000	167.195.930	4.374.695.930
Số dư cuối kỳ	4.162.500.000	133.849.100	4.296.349.100

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 383 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 383 triệu VND).

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tổng Công ty Cơ điện – Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi	6.077.900.656	6.077.900.656
Công ty Cổ phần Công nghệ và giải pháp SST Việt Nam	5.175.317.000	5.175.317.000
Công ty Cổ phần Lâm đặc sản Phú Yên	-	2.058.046.138
Các nhà cung cấp khác	5.067.802.328	5.928.559.670
	16.321.019.984	19.239.823.464

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	241.175.000	672.431.103
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 – Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	510.180.000	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	464.334.645	18.784.445

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2020 VND</b>	<b>Số phát sinh trong kỳ VND</b>	<b>Số đã nộp/cán trừ trong kỳ VND</b>	<b>30/6/2020 VND</b>
<b>Thuế</b>				
Thuế giá trị gia tăng	11.333.145.884	14.869.717.355	(25.130.787.409)	1.072.075.830
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.377.551.474	3.635.624.716	(10.932.816.035)	3.080.360.155
Thuế thu nhập cá nhân	73.015.047	477.652.449	(539.142.421)	11.525.075
Thuế tài nguyên	3.503.718.201	8.909.817.567	(9.425.292.345)	2.988.243.423
Thuế nhà đất	-	108.805.035	(108.805.035)	-
<b>Các khoản phải nộp khác</b>				
Phí dịch vụ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	9.777.951.064	7.064.366.240	(15.075.263.928)	1.767.053.376
	<b>35.065.381.670</b>	<b>35.065.983.362</b>	<b>(61.212.107.173)</b>	<b>8.919.257.859</b>



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	24.308.776.028	22.732.547.556
Thuế giá trị gia tăng đầu ra của doanh thu bán điện trong tháng chưa xuất hóa đơn	4.063.601.687	4.491.563.211
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	63.739.824	2.193.206
Các khoản phải trả khác	27.845.590	10.050.400
	28.463.963.129	27.236.354.373

**16. Vay ngắn và dài hạn**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	108.166.866.953	307.197.760.075
Cần trừ nợ phải thu trong kỳ	-	(39.030.893.122)
	108.166.866.953	268.166.866.953
 Trong đó:		
	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Khoản vay đến hạn trả trong 12 tháng	60.000.000.000	60.000.000.000
Khoản vay đến hạn trả sau 12 tháng	48.166.866.953	48.166.866.953
	108.166.866.953	108.166.866.953

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>1/1/2020 VND</b>
<b>Vay lại từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên, công ty mẹ</b>					
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	VND	Lãi suất tiền gửi 12 tháng bình quân + 1%	2021	108.166.866.953	108.166.866.953

Khoản vay từ Tổng Công ty Phát điện 2 là khoản vay theo Hợp đồng cho vay lại số 02/GENCO2-SÔNG BA HA/TCKT ngày 12 tháng 12 năm 2016 từ nguồn vốn vay Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại với tổng số hạn mức tín dụng là 380 tỷ VND, thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 22 tháng 12 năm 2016), với lãi suất là lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tham chiếu của bốn ngân hàng thương mại (Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam) cộng với lãi suất biên là 1%, kỳ điều chỉnh lãi suất là 3 tháng/lần. Mục đích sử dụng tiền vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Công ty. Khoản nợ gốc phải trả trong 2 năm đầu tiên là 10 tỷ VND/năm và trong 6 năm tiếp theo là 60 tỷ VND/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay (Thuyết minh 11).

## 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020 VND</b>	<b>30/6/2019 VND</b>
Số dư đầu kỳ	3.433.490.550	3.250.696.338
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 18)	9.012.884.350	7.460.980.875
Sử dụng trong kỳ	(2.766.680.000)	(5.935.286.663)
Chi phí khấu hao được phân bổ trong kỳ	(11.200.444)	-
Số dư cuối kỳ	9.668.494.456	4.776.390.550

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	1.242.250.000.000	48.000.000.000	49.433.250.349	685.544.094.713	2.025.227.345.062
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	74.641.137.308	74.641.137.308
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 21)	-	-	54.145.314.670	(54.145.314.670)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(7.460.980.875)	(7.460.980.875)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(124.225.000.000)	(124.225.000.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>	1.242.250.000.000	48.000.000.000	103.578.565.019	574.353.936.476	1.968.182.501.495
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	259.501.949.777	259.501.949.777
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(186.337.500.000)	(186.337.500.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	1.242.250.000.000	48.000.000.000	103.578.565.019	647.518.386.253	2.041.346.951.272
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	20.982.525.041	20.982.525.041
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 21)	-	-	25.707.926.126	(25.707.926.126)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(9.012.884.350)	(9.012.884.350)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(62.112.500.000)	(62.112.500.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	1.242.250.000.000	48.000.000.000	129.286.491.145	571.667.600.818	1.991.204.091.963



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	124.225.000	1.242.250.000.000	124.225.000	1.242.250.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	124.225.000	1.242.250.000.000	124.225.000	1.242.250.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày báo cáo:

	Tại ngày 30/6/2020 và 1/1/2020		
	Số lượng cổ phiếu phổ thông	Vốn cổ phần	Tỉ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty Phát điện 2	76.740.931	767.409.310.000	61,78%
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	32.000.000	320.000.000.000	25,76%
Các cổ đông khác	15.484.069	154.840.690.000	12,46%
	124.225.000	1.242.250.000.000	100,00%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2, được thành lập tại Việt Nam.

Không có biến động vốn cổ phần trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**20. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 5 năm 2020, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 248.450 triệu VND, tương ứng 20% vốn điều lệ của Công ty, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019, trong đó Công ty đã tạm ứng khoản cổ tức 186.338 triệu VND trong năm 2019 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019: phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông 310.563 triệu VND, tương ứng 25% vốn điều lệ của Công ty, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2018, trong đó Công ty đã tạm ứng khoản cổ tức 186.338 triệu VND trong năm 2018).

**21. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động trong kỳ của quỹ đầu tư phát triển như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	103.578.565.019	49.433.250.349
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh số 19)	25.707.926.126	54.145.314.670
	129.286.491.145	103.578.565.019

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

***Cam kết chi tiêu vốn***

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	40.866.122.865	46.031.447.444
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	3.938.907.790	-
	44.805.030.655	46.031.447.444

**23. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng (điện) đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí khấu hao và phân bổ	96.018.366.402	96.147.544.452
Thuế tài nguyên và môi trường rừng	15.974.183.807	28.176.324.850
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	13.000.000.000
Chi phí nhân công	5.801.877.397	5.686.317.166
Chi phí nguyên vật liệu	699.859.347	981.169.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	681.942.685	573.968.164
Chi phí khác	3.911.319.930	5.655.065.236
	123.087.549.568	150.220.389.525

**25. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	19.988.914.739	5.912.362.687
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	13.414.052
	19.988.914.739	5.925.776.739



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nhân viên	6.167.490.571	7.843.937.014
Chi phí khấu hao và phân bổ	246.719.188	248.811.978
Chi phí vật liệu	149.492.298	117.342.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.371.286.911	1.647.812.102
Chi phí khác	4.727.171.545	4.849.331.150
	<b>12.662.160.513</b>	<b>14.707.234.744</b>

**27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	853.739.145	1.098.512.157
Chi phí nhân công và nhân viên	11.969.367.968	13.530.254.180
Chi phí khấu hao và phân bổ	96.265.085.590	96.396.356.430
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	13.000.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.053.229.596	2.221.780.266
Chi phí khác	24.608.287.782	38.680.721.236

**28. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	3.635.624.716	3.660.841.349
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(5.468.767.960)
	<b>3.635.624.716</b>	<b>(1.807.926.611)</b>

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	24.618.149.757	72.833.210.697
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.461.814.976	7.283.321.070
Ưu đãi thuế	(443.564.410)	(3.660.841.349)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	1.596.030.153	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	21.343.997	38.361.628
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	(5.468.767.960)
	3.635.624.716	(1.807.926.611)

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% đối với lợi nhuận trước thuế cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế.

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20%.

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	20.982.525.041	74.641.137.308
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	20.982.525.041	74.641.137.308
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	20.982.525.041	74.641.137.308

(\*) Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 và ngày 30 tháng 6 năm 2019. Nếu Công ty phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	124.225.000	124.225.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6	124.225.000	124.225.000



**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020</b>	<b>30/6/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Chi phí lãi vay	-	4.277.896.213
Mua dịch vụ	467.401.452	275.980.624
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên</b>		
Chia cổ tức	38.370.465.500	76.740.931.000
Chi phí lãi vay	4.060.313.768	6.624.373.167
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Doanh thu bán điện	144.407.558.313	242.529.376.760
<b>Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (cổ đông lớn)</b>		
Chia cổ tức	16.000.000.000	32.000.000.000
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Nam</b>		
Chia cổ tức	4.480.000.000	8.960.000.000
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Trung</b>		
Chia cổ tức	2.000.000.000	4.000.000.000
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi</b>		
Chia cổ tức	640.000.000	1.280.000.000
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3</b>		
Mua dịch vụ	1.546.000.000	350.203.023
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4</b>		
Mua dịch vụ	-	350.203.023
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1</b>		
Mua dịch vụ	-	1.126.274.529

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thù lao	253.992.800	339.889.900
<b>Thành viên khác của Ban Giám đốc</b>		
Tiền lương và thù lao	513.423.939	485.540.679
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Tiền lương và thù lao	367.903.200	499.804.250
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Tiền lương và thù lao	214.141.333	312.422.750

**31. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Công ty được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020

Người lập:

  
 Đặng Thị Lan  
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

  
 Đoàn Thị Mỹ Đông  
 Kế toán trưởng

  
 Trần Lý  
 Tổng Giám đốc

